TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-7-2020
V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tưởng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020, về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXX-ST ngày 12 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1983; Địa chỉ nơi cư trú: ấp PHA, xã PTA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1984; Địa chỉ nơi cư trú: ấp PHA, xã PTA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Hữu Th cưới nhau vào năm

2006, hôn nhân do tự quen biết và tìm hiểu trước, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PTA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới vợ chồng anh chị cùng đi làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh Th thường xuyên ăn chơi không lo cho gia đình, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh Th vẫn không sửa đổi dẫn đến vợ chồng thường cự cãi nhau, từ đó chị bỏ đi và vợ chồng không còn sống chung với nhau. Trong thời gian không còn sống chung thì anh chị không có gặp nhau để hàn gắn. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hữu Th vì tình cảm không còn. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Lê Xuân A, sinh ngày 16/02/2009, hiện cháu đang sống với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng. Về tài sản chung: Chị và anh Nguyễn Hữu Th chung sống không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung Chị và anh Nguyễn Hữu Th chung sống không nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Hữu Th, Toà án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại bản khai ngày 25/5/2020, cháu Nguyễn Lê Xuân A trình bày: "Ba với mẹ ly hôn nguyện vọng con ở với mẹ".

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Th; về con chung: giao con chung Nguyễn Lê Xuân A, sinh ngày 16/02/2009 cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và anh Th không phải cấp dưỡng do chị L không có yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Hữu Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Nguyễn Hữu Th là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Xét yêu cầu ly hôn của chị Lợi đối với anh Thuộc, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của chị L tại phiên tòa hôm nay thì cuộc sống của chị và anh Th không hạnh phúc, nguyên do anh Th thường xuyên ăn chơi không lo cho gia đình, chị có khuyên can nhưng anh Th vẫn không sửa đổi từ đó vợ chồng ngày càng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn kéo dài, dẫn đến cự cải với nhau thường xuyên. Chị và anh Th đã không còn chung sống từ cuối năm 2016 đến nay. Từ khi không còn sống chung, chị và anh Th không liên lạc với nhau để bàn bạc, hàn gắn tình cảm. Đối với anh Th thì Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, động viên cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh vẫn không đến và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị L và anh Th hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị Lê Thị L ly hôn với anh Nguyễn Hữu Th.

[4] Về việc nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Lê Xuân A, sinh ngày 16/02/2009, Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Xuân A từ khi sinh ra cho đến khi vợ chồng không còn sống chung và hiện nay đều do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, ngoài ra cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ và để ổn định việc sinh hoạt của cháu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị L, anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị L trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh Th không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHI4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHI4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L, cho ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh Nguyễn Hữu Th.

2. Về việc nuôi con:

2.1. Chị Lê Thị L được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Lê Xuân A, sinh ngày 16/02/2009.

2.2. Anh Nguyễn Hữu Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị L chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000

đồng theo biên lai thu số 0001266 ngày 24/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND xã PTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Lương Bằng